

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HSST

Ngày : 24/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Sô Đa & Ông Nguyễn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên Tòa: Ông Hoàng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 23/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 09/11/2020, đối với:

- Các bị cáo:

1. Võ Hồng Ph, sinh năm 1994 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: thôn Th, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hồng X, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền án: có 03 tiền án: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện S phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù (chấp hành xong ngày 26/12/2018); tiền sự: không; nhân thân: Năm 2015 bị Công an huyện S phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (đã nộp phạt); bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã từ ngày 19/9/2020 đến nay; bị cáo được trích xuất; có mặt.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1996 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: thôn T, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L,

sinh năm 1969 và bà Đặng Thị Th, sinh năm 1974; chồng Phạm Kim Ph, sinh năm 1993; con Nguyễn Minh K, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại*: Nguyễn Lê N, sinh năm 1974; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Võ Hồng X, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn Th, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 08/5/2006 và người giám hộ Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 là cha ruột; nơi cư trú: thôn T, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

+ Nguyễn Hiếu S, sinh năm 1993; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

+ Phạm Thị Th, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 05/2020, Võ Hồng Ph và Nguyễn Thị L thuê phòng trọ của Nguyễn Lê N thuộc khu phố T, thị trấn C, huyện S để ở. Ngày 11/6/2020, biết N không có ở nhà nên Ph rủ L lấy trộm tủ lạnh của bà N đem bán lấy tiền tiêu xài và L đồng ý. Ph dùng trục vít, tháo cửa sau vào nhà bếp của Nh để lấy tủ lạnh nhưng lúc này có Nguyễn Hiếu S (con của N) đến nên Ph và L không lấy được. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Ph và L tiếp tục vào nhà bếp của Nh khiêng 01 tủ lạnh nhãn hiệu SHAP màu xám đen, đem ra khỏi nhà bếp thì bị Phạm Thị Th phát hiện, Ph và L bỏ chạy, Th báo cáo Công an huyện S để điều tra xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 72/KL-ĐGTS ngày 15/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận tủ lạnh nhãn hiệu SHAP, màu xám đen, loại tủ đứng có giá trị 7.580.000đ.

Vật chứng: Tạm giữ và trả lại cho Nguyễn Lê N 01 tủ lạnh, nhãn hiệu SHAP, màu xám đen, loại tủ đứng; Trả lại cho Võ Hồng X 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H9-4549.

Tạm giữ chờ xử lý: 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y51, màu trắng của Nguyễn Thị L; 01 thanh tre dài 17cm, rộng 2,5cm; 01 tuốc nơ vít dài 31,5cm, cán nhựa màu xanh dài 11,5cm.

Dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 21/CT-VKS-SH ngày 21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện S, tỉnh Phú Yên đã truy tố Võ Hồng Phong về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo Võ Hồng Ph và Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố và khẳng định không bị oan, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Lê N vắng mặt nhưng có đề nghị Hội đồng xét xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật. Dân sự: Đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Hồng X vắng mặt và không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên toà sau khi phân tích mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hình phạt:

+ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ph mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giam.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Dân sự: Bị hại Nguyễn Lê N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không xét.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh tre dài 17cm, rộng 2,5cm và 01 tuốc nơ vít dài 31,5cm, cán nhựa màu xanh dài 11,5cm; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y51, màu trắng.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thống nhất theo luận tội và không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Các bị cáo Võ Hồng Ph và Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 11/6/2020, tại nhà Nguyễn Lê N ở khu phố T, thị trấn C, huyện S, Võ Hồng Ph và Nguyễn Thị L đã lén lút lấy trộm 01 tủ lạnh hiệu SHAP trị giá 7.580.000đ thì bị Phạm Thị Th phát hiện. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 14/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện S đã xác định bị cáo Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp tái phạm, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Ph, L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản riêng của bị hại trái pháp luật mà còn gây mất an ninh, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm, nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Bị cáo Võ Hồng Ph là người chủ mưu, cầm đầu rủ rê bị cáo L cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo có 03 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản và nhân thân xấu. Nên cần xử bị cáo mức án nghiêm cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe và trừng trị riêng đối với bị cáo và ngăn ngừa chung đối với xã hội. Xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo hình phạt tương xứng.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo

không có vi phạm pháp luật nào khác. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình sự quy định tại điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 và áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục tốt.

[6] Dân sự: Bị hại Nguyễn Lê N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh tre dài 17cm, rộng 2,5cm và 01 tuốc nơ vít dài 31,5cm, cán nhựa màu xanh dài 11,5cm vì không còn giá trị sử dụng; Trả cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y51, màu trắng.

[8] Phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Hồng Ph và Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo **Võ Hồng Ph 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo theo Lệnh truy nã (19/9/2020).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm**, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với UBND xã S2, huyện S để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp, bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người bị kết án Nguyễn Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

3.1. Trả cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y51, màu trắng.

3.2. Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh tre dài 17cm, rộng 2,5cm ; 01 tuốc nơ vít dài 31,5cm, cán nhựa màu xanh dài 11,5cm

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2020 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (01);
- VKSND tỉnh Phú Yên (01);
- CQTHAHS huyện S (01);
- CQCSĐT huyện S (01)
- Bị cáo (02);
- Bị hại (01);
- THADS huyện S (01);
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Văn Trinh